

**QUYẾT ĐỊNH**

SỞ XÂY DỰNG VÀ  
ĐỀ KIẾN SỐ 02/11/17  
CHUYÊN: P. & H  
Lưu hồ sơ  
Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch Bắc Miếu Bà, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ ban hành về thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về duyệt nhiệm vụ quy hoạch và tổng dự toán chi phí lập quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch Bắc Miếu Bà, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 114/TTr-SXD ngày 20 tháng 10 năm 2017 về việc thẩm định, phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch Bắc Miếu Bà, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch Bắc Miếu Bà, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang; với các nội dung như sau:

**1. Tên đồ án:** Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch Bắc Miếu Bà, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

**2. Phạm vi ranh giới quy hoạch:**

Vị trí: Khu vực quy hoạch nằm ở phía Đông Bắc Núi Sam, thuộc phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, với tứ cận như sau:

- Phía Đông Bắc giáp kênh Bờ Xáng, giáp Đường Hoàng Đạo Cật;
- Phía Đông Nam giáp Đường Tân Lộ Kiều Lương;
- Phía Tây Bắc giáp Kênh Vĩnh Tế;
- Phía Tây và Tây Nam giáp kênh Bền Vựa và Đường Châu Thị Tế.

**3. Tính chất:**

Là khu du lịch, dịch vụ phục vụ khách tham quan và dân cư kết hợp khu di tích văn hoá lịch sử và du lịch Núi Sam.

**4. Quy mô:**

- Quy mô diện tích: Khoảng 115,04 ha.
- Quy mô dân số: Khoảng 2.765 dân.

**5. Định hướng tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:**

Khu vực quy hoạch chia làm 2 khu với bố cục không gian và phân chia chức năng gồm:

- *Khu 1:* Phía Bắc đường dẫn cầu Cồn Tiên, bố trí các khu du lịch nghỉ dưỡng kết hợp cảnh quan mặt nước của Kênh Vĩnh Tế và Kênh Bờ Xáng, khu công viên, đồn Biên phòng dọc Kênh Bờ Xáng, khu dân cư hiện hữu cải tạo dọc tuyến đường Bền Vựa, khu tái định cư.

- *Khu 2:* Phía Nam đường dẫn cầu Cồn Tiên, được bố trí loại hình nghỉ dưỡng giáp Kênh Bờ Sáng. Khu cáp treo và thương mại dịch vụ phục vụ cho khách du lịch, khu dân cư hiện hữu, khu tái định cư và công trình công cộng.

**5.1. Khối thương mại - dịch vụ:**

- Dọc tuyến Quốc lộ 91 và đường Châu Thị Tế là khu cáp treo và cụm công trình thương mại dịch vụ phục vụ khách hành hương.

- Công trình thương mại dịch vụ xây dựng mới phục vụ cư dân địa phương.

**5.2. Khối giáo dục:** Trường mẫu giáo hiện hữu cải tạo, cập nhật theo vị trí hiện trạng.

**5.3. Khối Văn hóa – Cây xanh:**

- Khu công viên dọc kênh Bờ Sáng phục vụ cho dân cư thành phố và du khách nhằm khai thác cảnh quan bờ sông và tạo tầm nhìn thông thoáng.

- Nhà văn hóa hiện hữu cải tạo, cập nhật tại vị trí hiện hữu.

#### **5.4. *Khôi công trình du lịch nghỉ dưỡng:***

Bố trí dọc kênh Bờ Xáng tạo không gian yên tĩnh và riêng tư, với các tiện nghi như hồ bơi, hồ cảnh quan, tiểu cảnh sân vườn,...

#### **5.5. *Khôi các khu ở:***

- Các nhóm ở hiện hữu dọc tuyến đường Bến Vựa được cải tạo chỉnh trang.

- Bố trí tái định cư, bổ sung quỹ đất nhóm nhà ở cạnh các khu ở hiện hữu dọc đường Bến Vựa.

- Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng khu tái định cư cấp treo (nhằm bổ sung quỹ đất ở trong quá trình thực hiện quy hoạch).

**6. Quy hoạch sử dụng đất:** Khu du lịch Bắc Miếu Bà được phân thành các khu chức năng như sau:

#### **6.1. *Đất khu ở:***

Tổng diện tích đất ở 12,14 ha, bao gồm:

- *Nhà ở hiện trạng cải tạo chỉnh trang:* Gồm 3 khu, ký hiệu (I-1), (II-1), (II-2), tổng diện tích 5,44ha, bố trí dọc kênh Bến Vựa và đường Châu Thị Tế.

- *Nhà ở tái định cư:* Gồm 5 khu, ký hiệu (I-2), (II-3), (II-4), (II-5), (II-6), tổng diện tích 6,7ha, bố trí tiếp giáp khu ở hiện hữu dọc đường Bến Vựa và cạnh khu cấp treo.

#### **6.2. *Đất công trình công cộng - Giáo dục:***

Tổng diện tích đất 1,28 ha, bao gồm:

- Nhà Văn hoá hiện hữu, ký hiệu (II-7), diện tích 0,37 ha.

- Trường mẫu giáo hiện hữu cải tạo, ký hiệu (II-8), diện tích 0,8 ha.

- Trạm Y tế hiện hữu cải tạo, ký hiệu (II-10), diện tích 0,11 ha.

#### **6.3. *Đất thương mại dịch vụ:***

Tổng diện tích đất thương mại, dịch vụ 8,67 ha, bao gồm:

- Khu trung tâm hội nghị thương mại, ký hiệu (II-9), diện tích 1,77 ha.

- Khu thương mại dịch vụ xây dựng mới, ký hiệu (II-13), (II-16).

**6.4. *Đất du lịch nghỉ dưỡng:*** Gồm 4 khu, ký hiệu (I-3), (I-4), (I-5), (II-14) tổng diện tích đất 41,26 ha.

**6.5. *Đất khu cấp treo:*** Ký hiệu (II-15), diện tích 6,38 ha (chưa tính diện tích đất giao thông), bố trí dọc tuyến đường Châu Thị Tế đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (với công trình cấp treo, giao thông, sân bãi và dịch vụ với tổng quy mô diện tích là 9,297 ha) phục vụ khách hành hương.

#### **6.6. *Đất công viên cây xanh:***

Tổng diện tích đất công viên cây xanh 3,03 ha.

### 6.7. Đất an ninh quốc phòng:

Đồn biên phòng Vĩnh Nguơn 945 diện tích 1,83 ha.

### 6.8. Đất cây xanh mặt nước: diện tích 18,23ha gồm:

- Cây xanh cách ly rạch : Diện tích 4,64 ha.

- Mặt nước : Diện tích 13,59 ha.

### 6.9. Đất giao thông, sân bãi: diện tích 22,22 ha.

**Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất**

| STT       | LOẠI ĐẤT  | DIỆN TÍCH<br>(ha) | TỶ LỆ<br>(%)  |
|-----------|---|-------------------|---------------|
| <b>I</b>  | <b>Đất đơn vị ở</b>   | <b>16,45</b>      | <b>14,30</b>  |
| <b>1</b>  | <b>Đất nhóm nhà ở</b>   | <b>12,14</b>      | <b>10,55</b>  |
|           | - Đất nhóm nhà ở hiện hữu chính trang                         | 5,44              |               |
|           | - Đất nhóm nhà ở tái định cư                                  | 6,70              |               |
| <b>2</b>  | <b>Đất công trình công cộng</b>                               | <b>1,28</b>       | <b>1,11</b>   |
|           | - Đất nhà văn hóa (hiện hữu)                                  | 0,37              |               |
|           | - Đất giáo dục (trường mẫu giáo- hiện hữu)                    | 0,80              |               |
|           | - Đất trạm y tế (hiện hữu)                                    | 0,11              |               |
| <b>3</b>  | <b>Đất công viên cây xanh</b>                                 | <b>3,03</b>       | <b>2,63</b>   |
| <b>II</b> | <b>Đất ngoài đơn vị ở</b>                                     | <b>98,59</b>      | <b>85,70</b>  |
| <b>1</b>  | <b>Đất du lịch, nghỉ dưỡng</b>                                | <b>41,26</b>      | <b>35,87</b>  |
| <b>2</b>  | <b>Đất thương mại, dịch vụ</b>                                | <b>8,67</b>       | <b>7,54</b>   |
| <b>3</b>  | <b>Đất khu cáp treo</b>                                       | <b>6,38</b>       | <b>5,55</b>   |
| <b>4</b>  | <b>Đất an ninh quốc phòng (đồn biên phòng Vĩnh Nguơn 945)</b> | <b>1,83</b>       | <b>1,59</b>   |
| <b>5</b>  | <b>Đất cây xanh, mặt nước</b>                                 | <b>18,23</b>      | <b>15,85</b>  |
|           | - Đất cây xanh cách ly rạch                                   | 4,64              |               |
|           | - Mặt nước  | 13,59             |               |
| <b>6</b>  | <b>Đất giao thông, sân bãi</b>                                | <b>22,22</b>      | <b>19,32</b>  |
|           | <b>TỔNG CỘNG</b>  | <b>115,04</b>     | <b>100,00</b> |

### 7. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

#### 7.1. Giao thông và chỉ giới xây dựng:

##### a. Giao thông đối ngoại:

- Đường Tân Lộ Kiều Lương (đoạn từ đường Hoàng Đạo Cật đến QL91): Lộ giới 28m (5-18-5) lòng đường 18m, vỉa hè mỗi bên 5m; nâng cấp mở rộng.

- Đường tỉnh 955A, lộ giới 35m (6-10,5-2-10,5-6) lòng đường mỗi bên 10,5m, dải phân cách giữa 2,0m, vỉa hè mỗi bên 6m; nâng cấp mở rộng.

- Đường dẫn cầu Côn Tiên: lộ giới 35m (6-10,5-2-10,5-6) lòng đường mỗi bên 10,5m, dải phân cách giữa 2,0m, vỉa hè mỗi bên 6m; xây dựng mới.

- Đường vòng công viên văn hóa Núi Sam, lộ giới 30m (6-8-2-8-6) lòng đường mỗi bên 8m, dải phân cách giữa 2,0m, vỉa hè mỗi bên 6m; xây dựng mới.

- Đường Châu Thị Tế: lộ giới 22m (5-12-5); nâng cấp mở rộng.

**b. Giao thông đối nội:** Các tuyến đường còn lại

**Bảng thống kê các tuyến đường giao thông**

| STT                             | Tên đường              | Mặt cắt | Chiều dài (m)  | Lộ giới (m) |             |           |             |               |
|---------------------------------|------------------------|---------|----------------|-------------|-------------|-----------|-------------|---------------|
|                                 |                        |         |                | Chiều rộng  | Vỉa hè trái | Mặt đường | Vỉa hè phải | Dải phân cách |
| <b>Đất giao thông đối ngoại</b> |                        |         | <b>2.767,2</b> |             |             |           |             |               |
| 1                               | Đường tỉnh 955A        | 1-1     | 739,0          | 35          | 6           | 2x10,5    | 6           | 2             |
| 2                               | Đường dẫn cầu Côn Tiên | 1-1     | 861,3          | 35          | 6           | 2x10,5    | 6           | 2             |
| 3                               | Tân Lộ Kiều Lương      | 3-3     | 416,5          | 28          | 5           | 18        | 5           | -             |
| 4                               | Đường Châu Thị Tế      | 2'-2'   | 750,4          | 22          | 5           | 12        | 5           | -             |
| <b>Đất giao thông nội bộ</b>    |                        |         | <b>5.757,7</b> |             |             |           |             |               |
| 1                               | Đường Hoàng Đạo Cật    | 2-2     | 1516,7         | 30          | 5           | 2x9       | 5           | 2             |
| 2                               | Đường Số 4             | 2-2     | 504,3          | 30          | 5           | 2x9       | 5           | 2             |
| 3                               | Đường Số 2             | 2-2     | 326,8          | 30          | 5           | 2x9       | 5           | 2             |
|                                 |                        | 5-5     | 455,4          | 20          | 4           | 12        | 4           | -             |
|                                 |                        | 8-8     | 197,4          | 13          | 3           | 7         | 3           | -             |
| 4                               | Đường Số 5             | 4-4     | 807,0          | 24          | 5           | 14        | 5           | -             |
| 5                               | Đường Số 1             | 5-5     | 217,0          | 20          | 4           | 12        | 4           | -             |
| 6                               | Đường Bến Vựa          | 6-6     | 888,0          | 17          | 5           | 7         | 5           | -             |
| 7                               | Đường Số 6             | 7-7     | 462,0          | 16          | 4           | 8         | 4           | -             |
| 8                               | Đường Số 7             | 8-8     | 151,6          | 13          | 3           | 7         | 3           | -             |
| 9                               | Đường Số 8             | 8-8     | 231,5          | 13          | 3           | 7         | 3           | -             |
| <b>TỔNG</b>                     |                        |         | <b>8.524,9</b> |             |             |           |             |               |

**c. Quản lý chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ:** Chỉ giới xây dựng phụ thuộc vào cấp hạng đường, tính chất của các công trình, và được quy định cụ thể theo Quy định quản lý xây dựng.

**7.2. San nền:** Cao trình san lấp  $\geq +5.0\text{m}$  (so với hệ cao độ Quốc gia).

**7.3. Thoát nước mưa:**

- Hệ thống thoát nước mưa riêng với nước thải sinh hoạt. Nước mưa trên toàn bộ bề mặt được gom về các trục giao thông sau đó được xả ra kênh Bờ Xáng và kênh Vĩnh Tế qua các cửa xả.

- Hệ thống thoát nước mưa sử dụng công tròn bê tông cốt thép, kích thước công tính toán theo chu kỳ tràn công  $T=2$  năm, đường kính công từ  $\text{Ø}600 \div \text{Ø}1500$ .

#### **7.4. Cấp nước:**

##### *a. Nguồn cấp:*

- Nguồn nước từ trạm cấp nước khu vực của nhà máy nước Châu Đốc;
- Đường ống cấp cho khu vực quy hoạch lấy từ 2 tuyến ống hiện trạng D100 trên Quốc lộ 91 và D250 trên đường Tân Lộ Kiều Lương.

##### *b. Lưu lượng dùng nước:*

- Tiêu chuẩn cấp nước : 150 lít/ng/ngày
- Tổng công suất : 780 m<sup>3</sup>/ngày đêm

##### *c. Cấp nước chữa cháy:*

Bố trí trụ chữa cháy trên vỉa hè dọc theo hệ thống đường giao thông tại các vị trí thuận tiện để dễ dàng thao tác khi xảy ra sự cố. Lượng nước dự phòng cho 2 đám cháy xảy ra đồng thời trong 3 giờ.

#### **7.5. Thoát nước thải:**

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt.
- Tổng lưu lượng nước thải:  $Q_{\text{thải max}} = 630 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .
- Nước thải sinh hoạt từ các khu vệ sinh trong các hộ gia đình, công trình công cộng, công trình thương mại dịch vụ,... được thu gom thông qua hệ thống công thoát nước thải thu gom về khu xử lý nước thải khu vực núi Sam. (Công suất trạm trong giai đoạn đầu là 2000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, giai đoạn dài hạn là 3500 m<sup>3</sup>/ngày đêm).

- Nước thải bản sau khi được xử lý tại các nhà máy xử lý nước thải phải đảm bảo các tiêu chuẩn cho phép mới được thải ra môi trường tự nhiên.

#### **7.6. Quản lý chất thải rắn:**

- Rác được phân loại trong các công trình công cộng và từng hộ dân, sau đó được thu gom trong ngày vào các thùng rác để đưa đến bãi rác tập trung của thành phố Châu Đốc tại kênh 10 bằng xe chuyên dụng.

- Tiêu chuẩn thải rác: 1,0 kg/người/ngày đêm.
- Lượng rác thải sinh hoạt: 2,6 Tấn/ngày đêm.
- Nghĩa trang: Sử dụng nghĩa trang chung của thành phố Châu Đốc.

#### **7.7. Cấp điện – Chiếu sáng:**

##### *a. Nguồn cấp điện:*

- Nguồn cấp điện lấy từ các tuyến trung thế 22KV hiện hữu trên Quốc lộ 91 thuộc trạm 110/22KV thành phố Châu Đốc.

- Tổng nhu cầu sử dụng điện :  $P_{tt} = 20.548 \text{ KW}$ .

- Tổng dung lượng biến áp : Stt = 24.175KVA.

**b. Mạng điện phân phối:**

*\* Tuyến trung thế:*

Xây dựng mới tuyến trung thế ngầm 22kV cấp điện cho khu quy hoạch đầu nối vào các tuyến trung thế 22kv hiện hữu trên quốc lộ 91 thuộc trạm 110/22KV thành phố Châu Đốc kéo đến. Sử dụng loại cáp ngầm Cu/XLPE 22 KV có vỏ cách điện luồn trong ống PVC chịu lực. (Dùng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC 3xC 240mm<sup>2</sup>)

*\* Trạm biến áp 22kv - 0,4 KV:*

Xây dựng mới trạm biến áp phân phối 22/0,4 KV cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng đường giao thông trong khu quy hoạch.

*\* Đường dây hạ thế:*

Các tuyến hạ thế 0,4KV cấp cho các công trình sử dụng loại cáp đồng 0,4KV có vỏ bọc cách điện đi ngầm dưới vỉa hè tương ứng với công suất từng loại phụ tải. Đối với từng loại công trình, từng loại phụ tải sử dụng cáp có tiết diện phù hợp,...

**c. Chiếu sáng:** Sử dụng đèn cao áp Sodium công suất 250W/150W chiếu sáng cho khu quy hoạch, đèn lắp trên trụ thép tráng kẽm cao 8m khoảng cách giữa các trụ từ 25-30m. Dùng cáp ngầm vỏ bọc cách điện nhựa không cháy Cu/XLPE/DSTA/PVC 4xC 16 mm<sup>2</sup> cấp điện chiếu sáng cho toàn khu quy hoạch. (khuyến khích Sử dụng đèn Led với công suất từ 40W ÷ 100W, chiếu sáng đường giao thông để tiết kiệm năng lượng).

**7.8. Thông tin liên lạc:**

- Sử dụng tổng đài hiện hữu của thành phố để nâng cấp phục vụ. Đường dây thông tin liên lạc đi ngầm bên dưới vỉa hè.

- Tổng nhu cầu sử dụng: 4.745 thuê bao, đảm bảo 30 máy/100 dân đến năm định hướng và các cơ quan 100% có máy điện thoại.

**8. Đánh giá môi trường chiến lược:**

Các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường khu vực quy hoạch, bao gồm:

- Thực hiện công tác kiểm soát, kiểm tra, kiểm kê và quan trắc môi trường không khí. Xây dựng kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu;

- Thực hiện đúng quy hoạch, xây dựng hệ thống cống thoát nước thải riêng thu gom về khu xử lý. Nước thải sinh hoạt được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận;

- Thực hiện đồng bộ cao độ nền xây dựng và hệ thống thoát nước, đảm bảo các tuyến cống có độ dốc phù hợp, không gây ứ đọng nước;

- Xây dựng công viên cây xanh giúp tăng khả năng thoát nước của khu vực, và tăng cường khả năng điều hòa vi khí hậu;

- Trồng cây xanh hai bên hè đường theo phương án quy hoạch để tránh khí thải từ các phương tiện giao thông;

- Sử dụng trang thiết bị tiên tiến ít gây ô nhiễm và tiếng ồn;

- Kiện toàn hệ thống quản lý chất thải rắn của khu đô thị từ khâu thu gom, vận chuyển đến khu xử lý;

- Đối với chất thải xây dựng và chất thải sinh hoạt được thu gom về khu xử lý chất thải rắn của thành phố;

- Phải có biện pháp che chắn công trường giảm thiểu phát tán bụi, tiếng ồn,... gây ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công xây dựng;

- Nâng cao nhận thức người dân trong việc khai thác sử dụng các hoạt động đô thị theo hướng văn minh, hiện đại.

### **9. Thiết kế đô thị:**

Nội dung thiết kế đô thị tại từng khu vực như: tầng cao, mật độ xây dựng tối đa, cây xanh tối thiểu và chỉ giới xây dựng,... được xác định theo Quy định quản lý xây dựng kèm theo đồ án quy hoạch.

### **10. Các dự án ưu tiên đầu tư:**

- Đầu tư xây dựng đường dẫn cầu Cồn Tiên và đường số 4 để kết nối và phát triển các khu vực du lịch nghỉ dưỡng.

- Xây dựng mở rộng tuyến đường Hoàng Đạo Cật để kết nối khu vực và giải thoát giao thông khu vực tâm linh Miếu Bà.

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư (II-5) và (II-6) để ổn định dân cư khu vực cấp treo.

- Đầu tư xây dựng khu tái định cư (I-2) và (II-3) phía tiếp giáp dân cư hiện hữu đường Bến Vựa để từng bước di dời ổn định phát triển các khu vực khác.

- Mời gọi đầu tư xây dựng các khu vực được quy hoạch du lịch nghỉ dưỡng.

**Điều 2.** Ban hành kèm theo quyết định này là bản Quy định quản lý theo Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch Bắc Miếu Bà, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

### **Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc:

1. Tổ chức công bố đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch Bắc Miếu Bà, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết thực hiện.

2. Chỉ đạo việc thực hiện đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch Bắc Miếu Bà, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc. Phối hợp chặt chẽ với các ban ngành theo đúng quy hoạch và pháp luật.



**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc, Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:** ☒

- Như Điều 4;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Ê Văn Nung**